TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HSST
Ngày: 12/12/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đình Quốc – N Phó Giám đốc Trung tâm y tế thị xã ĐH

2. Ông Nguyễn Văn Thư – Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 15/TB ngày 04/11/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 17/TB ngày 21/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã ĐH đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh H, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/9/1968; Nơi sinh: Tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn PT, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Họ và tên cha: Võ Thanh T (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1946; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1966; Có 02 con. Lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 13/7/2023 đến ngày 03/8/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ĐH, từ ngày 03/8/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Võ Thanh H: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn PT, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Minh T – Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên và ông Võ Hoàng K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Đều có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị Thanh H1, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12/11/1995; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn PT, xã

HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Phạm Văn Đ, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Phan Thị T, sinh năm 1961; Chồng: Võ Thế T, sinh năm 1997; Có 02 con. Lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô Thiên P - Văn phòng luật sư Nhật Khang. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1970;

ĐKNKTT: Khu phố Phú Thọ 1, phường Hoà Hiệp T, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên

Chỗ ở: Khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp T, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị Phấn, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp T, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1974;

ĐKNKTT: Thôn Quãng Mỹ, xã Hoà Mỹ Tây, huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên

Chỗ ở: Thôn Thạch Bàn, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị N: Luật sư Nguyễn Ninh, văn phòng Luật sư Nguyễn Ninh - Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

3. Bà Nguyễn Thị Nhiễu Đang, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố 2, phường HV, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên;

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố Phú Hiệp 3, phường Hoà Hiệp T, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/11/2019, Nguyễn Thị Nhiễu Đang chuyển nhượng quyền sử dụng đất 5.000m² tại khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp T, thị xã ĐH cho Bùi Thị N với giá 1.300.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, N liên hệ Võ Thanh H nhờ giúp làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đồng ý. H liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho N và biết được thửa đất của N bị cơ quan chức năng ra quyết định thu hồi để làm dự án khu tái định cư, không cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 5/2022, H gặp Lê Văn Tại, sinh năm 1970, trú tại khu phố Phú Thọ 1, phường Hòa Hiệp T, thị xã ĐH ở quán cà phê, biết Tại có nhu cầu mua đất, H nảy sinh ý định lừa đảo bán thửa đất của N cho Tại lấy tiền tiêu xài. H đưa Tại đến vị trí thửa đất của N, đưa các giấy tờ liên quan cho Tại xem. H nói nếu Tại đồng ý mua đất, H giúp liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đứng tên Tại. Tin lời H, Tại đồng ý mua thửa đất của N với giá 1.450.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2022, H bảo con dâu Phạm Thị Thanh H1 đóng giả Bùi Thị N đi cùng H đến nhà Tại ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng thửa đất của N. H đưa H1 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của N, dặn H1 xem, nhớ rõ để khi gặp Tại biết trả lời thông tin cá nhân của N, H1 đồng ý giúp H. Đến nhà Tại, H giới thiệu H1 là Bùi Thị N chủ đất, Tại hỏi H1 trả lời tên, địa chỉ của N, H1 đưa bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của N cho Tại xem. H và H1 đã phối hợp trả lời các câu hỏi của Tại, các thông tin liên quan đến N và thửa đất. H đưa mẫu hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Lê Thị Mỹ N con gái Tại ghi thông tin vào hợp đồng, H1 ký và viết giả tên Bùi Thị N vào bên chuyển nhượng đất, Tại ký bên nhận chuyển nhượng đất, H ký người làm chứng, thống nhất số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/6/2022 hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và thanh toán số tiền còn lại. Ký hợp đồng đặt cọc xong, Tại nói H1 đọc số tài khoản để chuyển tiền, sợ bị phát hiện giả danh N nên H1 nói không có số tài khoản, bảo Tại chuyển tiền qua số tài khoản của H. H đọc số tài khoản, Ngoan dùng tài khoản số 0041000290311 tại ngân hàng tH1 mại cổ phần ngoại tH1 Việt Nam của Ngoan chuyển số tiền 200.000.000 đồng qua tài khoản số 104869750431 tại ngân hàng tH1 mại cổ phần công tH1 Việt Nam của H. Sau khi nhận được tiền, H tiêu xài cá nhân, H và H1 không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng đặt cọc. Ngày 24/4/2023, Tại đến nhà N ở thôn Quảng Mỹ, xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa phát hiện N không phải là người ký hợp đồng đặt cọc, Tại đã tố giác hành vi phạm tội của H, H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐH.

Bản kết luận giám định số 306/KL-KTHS ngày 11/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Chữ ký đề tên Bùi Thị N ở mục Bên chuyển nhượng đất (bên A) trên hợp đồng đặt cọc so với chữ ký viết tên Bùi Thị N của Phạm Thị Thanh H1 là do cùng một người ký, viết ra (Bút lục số 70).

Về dân sự: Quá trình điều tra, H1 đã tác động và cùng H tự nguyện bồi thường cho Lê Văn Tại số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên không yêu cầu bồi thường thêm.

Vật chứng vụ án đang tạm giữ: 01 giấy chứng minh nhân dân bản phô tô tên Bùi Thị N (lưu vào hồ sơ vụ án).

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKSĐH ngày 23/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH đã truy tố các bị cáo Võ Thanh H và Phạm Thị Thanh H1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại các bản tự khai ngày 12/5/2023, 24/5/2023, 22/6/2023 và các Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can ngày 19/5/2023, 24/5/2023, 22/6/2023, 13/7/2023 và 31/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐH, bị cáo Võ Thanh H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thị Thanh H1 khai nhận diễn biến vụ án giống nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát truy tố. Việc bị cáo thực hiện hành vi giả người khác là do bị cáo H là cha chồng ở cùng nhà nhờ vã và Bùi Thị N là người kết nghĩa anh em

với bị cáo H nên thường xuyên đến nhà chơi và rất thân tình nên khi bị cáo ký hợp đồng là chỉ nghĩ giúp bà N bán đất, không biết việc mình làm là vi phạm pháp luật. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng tội, hiện tại hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, đang sống chung với cha mẹ chồng, chồng đã bỏ đi sống chung với người phụ nữ khác hơn hai năm nay không liên lạc được, con lớn đang bị bệnh ban xuất huyết hàng tháng phải thường xuyên đi tái khám ở Sài Gòn theo lịch của bác sĩ, con nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi cần phải chăm sóc nên chưa tìm kiếm việc làm, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện chăm sóc các con.

Bị hại Lê Văn Tại trình bày: Về hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về dân sự: Các bị cáo đã trả lại số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị N trình bày: Năm 2019 bà có nhờ bị cáo H làm hồ sơ giấy tờ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mới mua của bà Đang, chưa bao giờ nhờ bị cáo H bán thửa đất này cả vì thửa đất đã có quyết định thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bà Nguyễn Thị Nhiễu Đang ký vào Giấy đặt cọc ngày 24/5/2022 có đồng phạm với các bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay không vì sau ngày 24/5/2022 cho đến nay bà chưa gặp bà Đang để bàn bạc vấn đề gì liên quan đến đất bị cáo H bán cho ông Tại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Nhiễu Đang trình bày: Việc bà ký vào Giấy đặt cọc ngày 24/5/2022 là vì bị cáo H có gọi bà hẹn gặp có ông Tại và vợ chồng ông D tại quán cà phê Hồng Ngọc, tại đây vợ chồng Dư nhờ bà gặp ông Quãng là chủ đất cũ Huỷ bỏ Hợp đồng uỷ quyền giữa ông Quãng với bà để làm lại Hợp đồng giữa ông Quãng với ông D, bà đồng ý giúp và do bà còn phải gặp ông Quãng nên bà ký xác nhận vào Giấy đặt cọc hẹn ngày để gặp ông Quãng. Sau đó bà có gặp bà N, bà Hồng, ông Tại tại quán cà phê Hồng Ngọc để bàn việc bà sẽ là người ký hợp đồng mua bán với ông D không phải là bà N ký nên bà N đã thảo mẫu Hợp đồng thoả thuận về việc chuyển mục đích canh tác, sử dụng đất chuyển qua Zalo cho bà để bà đưa cho ông D xem.

Luật sư Thu bào chữa cho bị cáo H trình bày: Cáo trạng truy tố bị cáo H là có căn cứ, tuy nhiên N nhân phạm tội là do hạn chế về nhận thức, bị cáo là công dân tốt có thành tích được tặng nhiều giấy khen, đã bồi thường xong được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là quá nghiêm khắc, hiện tại bị cáo đang bị động kinh cơn dày, giảm khả năng lao động 88%, bị cáo không tự chăm sóc mà đang có người chăm sóc cho bị cáo nên không còn khả năng nguy hiểm cho xã hội, theo danh mục các bệnh hiểm nghèo ban hành kèm theo Nghị định 134/2016 ngày 01/9/2016 của Chính Phủ thì bệnh của bị cáo thuộc trường hợp đột quỵ nên bị cáo đủ điều kiện được miễn trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 BLHS nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H.

Trợ giúp viên pháp lý Võ Hoàng K thống nhất đề nghị Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H theo bào chữa của Luật sư Thu.

Luật sư Ngô Thiên PH1 bào chữa cho bị cáo H trình bày: Những nội dung tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 07/2024/HSST-QĐ cũng như các phiên toà trước và tại phiên toà hôm nay đều chưa được làm rõ đề nghị Hội đồng xét xử

tiếp tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung các nội dung đã yêu cầu tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 07/2024/HSST-QĐ ngày 26/9/2024.

Luật sư Nguyễn Ninh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Thị N gửi luận cứ có quan điểm: Hành vi của bà N đã được làm rõ tại cơ quan điều tra nên tại kết luận điều tra và bản cáo trạng đều thể hiện Bùi Thị N không có liên quan gì đến hành vi bán đất của bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ N quyết định truy tố đối với các bị cáo tại cáo trạng số 24/CT-VKSĐH ngày 23/4/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, p, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo H, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thanh H từ 04 năm đến 05 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo H, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh H1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường 200.000.000 đồng, không yêu cầu các bị cáo phải bồi tH1 thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, lưu vào hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng minh nhân dân bản phô tô tên Bùi Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐH, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Các bản tự khai và các biên bản hỏi cung bị cáo H tại Cơ quan Cảnh sát điều tra phù hợp với lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo H trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bản kết luận giám định chữ ký, phù hợp về thời gian, địa điểm, N nhân, động cơ và mục đích phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ được. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 24/5/2022, tại khu phố Phú Thọ 1, phường Hòa Hiệp T, thị xã ĐH, Võ Thanh H và Phạm Thị Thanh H1 bằng thủ đoạn gian dối giả danh

chủ sở hữu quyền sử dụng đất, thông qua việc ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của Lê Văn Tại. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Với tính chất, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa người khác là sai trái, vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa pH1 nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm, xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

[4.1] Bị cáo H là người có vai trò chủ mưu, nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Văn Tại, đã đưa ra thông tin gian dối với Tại, bảo H1 hỗ trợ, đóng giả Bùi Thị N là chủ sở hữu quyền sử dụng đất, đồng thời cung cấp thông tin của N cho bị cáo H biết để trả lời, đối phó với bị hại Tại; chuẩn bị sẵn hợp đồng đặt cọc để ký kết, sau khi ký hợp đồng đặt cọc bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Do đó, bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo H.

[4.2] Bị cáo H biết rõ thông tin bị cáo H đưa ra là gian dối, không đúng sự thật, biết thửa đất bị cáo H muốn ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cho Lê Văn Tại không phải là đất do H làm chủ sở hữu mà là đất của Bùi Thị N, nhưng vì bị cáo H và bị cáo H có mối quan hệ người thân thích trong gia đình (cha chồng con dâu), vì cả nể nên đã đồng ý giúp bị cáo H giả danh Bùi Thị N ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị hại Lê Văn Tại, tạo điều kiện cho bị cáo H chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của Tại. Bị cáo H phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, tuy nhiên bị cáo không được hưởng lợi ích gì từ số tiền 200.000.000 đồng bị cáo H đã chiếm đoạt. Do đó, bị cáo H chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo H.

[5] Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường cho bị hại Lê Văn Tại số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo H là người khuyết tật đặc biệt nặng được UBND xã HT cấp giấy xác nhận khuyết tật, hiện đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật nặng phải có người chăm sóc; được chính quyền xã HT, thị xã ĐH tặng nhiều Giấy khen vì có nhiều thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới; được bị hại Lê Văn Tại xin giảm nhẹ hình phạt là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, s, khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động bị cáo H và bán toàn bộ trang sức để đưa cho H 10.000.000 đồng để cùng bị cáo H bồi thường cho bị hại Lê Văn Tại số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; được bị hại Lê Văn Tại xin giảm nhẹ hình phạt. Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt xét xử các bị cáo theo mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo để các bị

cáo thấy được chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật mà yên tâm cải tạo tu dưỡng đạo đức trở thành người có ích trong xã hội.

[6] Xét thấy, bị cáo H có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo H bị bệnh động kinh cục bộ toàn thể hóa thứ phát, cơn còn nhiều. Di chứng nhồi máu não liệt nhẹ 1/2 người bên trái. Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ tầng C4-C5, C5-C6, C6-C7 chưa tổn tH1 thần kinh. Tăng huyết áp giai đoạn I. Tỉ lệ tổn tH1 cơ thể do bệnh tật là 88%. Nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H mức án dưới khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật đối với bị cáo H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, hiện một mình đang nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2019 và 2021, con Võ Anh Tuấn, sinh ngày 02/9/2019 bị bệnh ban xuất huyết hàng tháng phải tái khám tại bệnh viện nhi đồng 2 tại thành phố Hồ Chí Minh, chồng đã bỏ đi khỏi địa pH1 được chính quyền địa pH1 xác nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo H mức án dưới khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật. Bị cáo H có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, vai trò đồng phạm mang tính chất đơn giản nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên giao bị cáo H cho chính quyền địa pH1 và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo, phòng ngừa tội phạm đồng thời thể hiện được N tắc khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự để bị cáo có điều kiện chăm sóc các con, nên đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo H của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa và Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Võ Thanh H.

[9] Các nội dung mà tại các phiên toà trước Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận nên đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thanh H1 đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục trả hồ sơ để làm rõ các nội dung trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 07/2024/HSST-QĐ ngày 26/9/2024 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[10] Lời khai tại phiên toà của bị cáo H và bị hại Tại đều xác nhận tại thời điểm giao dịch ký hợp đồng đặt cọc và nhận cọc chỉ có bị cáo H, bị cáo H, bị hại Tại và chị Ngoan không có bà Đang nên đề nghị của bà N để làm rõ hành vi đồng phạm của bà Đang là không có cơ sở để chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự lưu vào hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng minh nhân dân bản phô tô tên Bùi Thị N.

[13] Về án phí: Bị cáo H là người khuyết tật nặng nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Võ Thanh H và Phạm Thị Thanh H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 03/8/2023 là 22 ngày kể từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Thị Thanh H1 cho UBND xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH1 trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự lưu vào hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng minh nhân dân bản phô tô tên Bùi Thị N.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thanh H được miễn án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Phạm Thị Thanh H1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã ĐH;
- Chi cục THA DS thị xã. ĐH;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ